

Bản án số: 34/2025 /HSST

Ngày 18/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến và bà Lê Thu Phương

-Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trương Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2025/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HS ngày 04/12/2025 đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Văn D**, sinh ngày 30/7/1963. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Nơi sinh: tỉnh Ninh Bình. Số CCCD 0360630039xx. Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: 58Đ, Ô, phường N, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 7/10. Bố đẻ: Hoàng Văn Ủ (Đã chết); Mẹ đẻ: Trần Thị N (Đã chết). Gia đình có 6 anh, chị, em. Bị cáo là con thứ sáu. Vợ: Trần Thị Thanh H. Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền sự: không

Tiền án: Bản án số 50/2013/HSST ngày 30/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt Hoàng Văn D 27 tháng tù, buộc bồi thường cho 03 người bị hại tổng số tiền 14.430.000 đồng, 200.000 đồng án phí HSST và 621.500 đồng án phí DSST về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 27/4/2015 D đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa bồi thường xong cho người bị hại nên chưa được xóa án tích.

Lịch sử bản thân:

- Năm 1984 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân". Đã được xóa án tích.

- Bản án số 20/HSST ngày 27/02/1985 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 12 tháng tù và 30 đồng án phí HSST về tội "Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân". Ngày 28/02/1986 D đã thi hành xong hình phạt nên được xóa án tích.

- Bản án số 91/HSST ngày 10/7/1987 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 15 tháng tù và 30 đồng án phí HSST về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân". Ngày 03/5/1988, D đã thi hành xong hình phạt nên được xóa án tích.

- Bản án số 213 ngày 10/11/1999, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù, bồi thường cho 02 người bị hại 200.000 đồng và ½ chỉ vàng 98, nộp 50.000 đồng án phí HSST và 50.000 đồng án phí DSST về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân". Ngày 25/8/2000 D đã thi hành xong nên được xóa án tích.

- Bản án số 47/2006/HSST ngày 17/5/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù và 50.000 đồng án phí HSST về tội "Cướp tài sản". Ngày 11/5/2009 D đã thi hành xong hình phạt nên được xóa án tích.

- Bản án số 68/2016/HSST ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù và 200.000 đồng án phí HSST về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 29/10/2017 D đã thi hành xong hình phạt nên được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/7/2025 đến ngày 28/7/2025 chuyển tạm tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N. Có mặt.

2. Phạm Trọng T, sinh ngày 01/01/1960. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Nơi sinh: tỉnh Ninh Bình. Số CCCD 0360600561xx. Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: 2 N, phường T, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do, Trình độ học vấn: 7/10. Bố đẻ: Phạm Văn L (Đã chết). Mẹ đẻ: Lê Thị N1; (Đã chết). Gia đình có 7 anh, chị, em. Bị cáo là con thứ năm. Vợ: Nguyễn Kim O. Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1984.

Tiền án, tiền sự: không.

Lịch sử bản thân:

- Bản án số 10 ngày 21/2/1981 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 12 tháng tù và 10 đồng án phí HSST về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng công dân". T đã thi hành xong hình phạt nên được xóa án tích.

- Bản án số 213 ngày 10/11/1999 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 6 tháng tù, bồi thường cho người bị hại số tiền 450.000 đồng, nộp 50.000 đồng án phí HSST và 50.000 đồng án phí DSST về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân". Ngày 29/8/2000 T đã thi hành xong nên được xóa án tích.

- Bản án số 406/2016/HSST ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù và 200.000 đồng án phí HSST về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 27/5/2017 T đã thi hành xong hình phạt nên được xóa án tích.

- Bản án số 07/2018/HSST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù, truy thu nộp ngân sách nhà nước 2.700.000 đồng và 200.000 đồng án phí HSST về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 23/12/2020 T đã thi hành xong hình phạt nên được xóa án tích.

- Bản án số 27/2018/HSST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù, truy thu nộp ngân sách nhà nước 1.100.000 đồng và 200.000 đồng án phí HSST về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 23/12/2020 T đã thi hành xong hình phạt nên được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/7/2025 đến ngày 28/7/2025 chuyển tạm tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Chu Thị N2, sinh năm 1958; địa chỉ: xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Vương Thị N3, sinh năm 1930; địa chỉ: Số C T, phường N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Ông Vũ Công M, sinh năm 1987; địa chỉ: xóm Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Huy H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Kim O.

+ Ông Vũ Quốc Đ.

+ Bà Đoàn Thị H2.

+ Bà Trần Thị Thanh H.

Người chứng kiến: Ông Phạm Xuân C.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn D và Phạm Trọng T là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng 15 giờ ngày 15/7/2025 D đến nhà T chơi. Tại đây D rủ T đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, T đồng ý. Cả hai thống nhất sử dụng hình thức tiếp cận với những người đi đường có tài sản, giả vờ nhặt được vàng đánh rơi rồi chia phần, giao vàng giả và nhận lại tiền, tài sản của những người này rồi chiếm đoạt. Sau đó D đến khu vực Chợ R thuộc phường N, tỉnh Ninh Bình mua 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng rồi mang về. Đến nhà D lấy 01 phong bì thư ghi dòng chữ màu đen “Hàng Đặt – Dây chuyền 100% không sạn 7 chỉ...” rồi bỏ sợi dây chuyền vào. Đồng thời D chuẩn

bị số tiền 215.000 đồng (gồm nhiều mệnh giá) để cuộn bên ngoài phong bì với mục đích tạo niềm tin về việc D nhất được tài sản cho người khác.

Buổi sáng ngày 16/7/2025 D đạp xe mi ni, mang theo tiền và phong bì chứa vàng giả đến nhà T. Sau đó T điều khiển xe mô tô BKS: 18D1 – 467.65 chở D ngồi sau bên xe đạp đi sang khu vực xã K, tỉnh Ninh Bình. Khi cả hai đến khu vực đường ĐT 483 đoạn thuộc xã Y, tỉnh Ninh Bình, D xuống điều khiển xe đạp, T điều khiển xe mô tô đi cùng. Khoảng 8 giờ 20 phút cùng ngày, D phát hiện bà Chu Thị N2, sinh năm 1958, trú tại xóm H, xã K có đeo trang sức đang điều khiển xe đạp đi phía trước cùng chiều nên bám theo. Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, cả ba đi đến khu vực cách ngã tư K khoảng 500 – 600m thì T điều khiển xe mô tô vượt lên. Thấy vậy D cầm số tiền 215.000 đồng và 01 phong bì thư chứa vàng giả ở tay trái rồi điều khiển xe đạp vượt lên trước xe bà N2. Sau đó D cúi người giả vờ nhất được tài sản để bà N2 nhìn thấy rồi đạp xe đi theo bà N2. Trên đường đi D nói nhất được tiền, vàng và sẽ chia một phần thì bà N2 đồng ý. Khi cả hai đến khu vực đường liên xóm C, xã K thì D dừng xe, cho bà N2 xem số tiền 215.000 đồng, 01 sợi dây chuyền bên trong phong bì. Đồng thời D đọc nội dung trên phong bì để bà N2 tin sợi dây chuyền là thật và có trọng lượng 07 chỉ. Sau đó D nói sẽ chia cho bà N2 03 chỉ vàng tương ứng số tiền 30.000.000 đồng thì bà N2 đồng ý. Lúc này cả hai thỏa thuận D giao sợi dây chuyền cho bà N2 để D về nhà lấy tiền. Tuy nhiên bà N2 phải đưa cho D tài sản để làm tin. Do tin tưởng nên bà N2 tự lấy số tiền 830.000 đồng đưa cho D và để D lấy đi 01 đôi khuyên tai bằng vàng mà bà N2 đang đeo. Sau khi lấy được tài sản, D đi xe đạp đến khu vực ngã tư xã K để gặp T đang đứng đợi. Tại đây D đưa cho T đôi khuyên tai của bà N2 cho T cất vào ví, riêng số tiền 830.000 đồng D giữ lại để sử dụng cho bản thân. Tiếp đó, T điều khiển xe mô tô chở D ngồi sau bên xe đạp về nhà D. Đến hồi 9 giờ 27 phút cùng ngày, T mang đôi hoa tai trên đến Cửa hàng vàng bạc Đại Đức V của bà Vương Thị N3, sinh năm 1930 ở số C T, phường N, tỉnh Ninh Bình bán cho anh Vũ Công M, sinh năm 1987, trú tại xóm Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình (là nhân viên cửa hàng) với giá 15.350.000 đồng. Sau đó T đưa cho D số tiền 7.500.000 đồng, T hưởng số tiền 7.850.000 đồng. Số tiền trên cả hai tiêu xài hết. Cùng ngày 16/7/2025 bà Chu Thị N2 sau khi biết bị lừa đã đến Công an xã K để trình báo sự việc. Sau đó Cơ quan công an đã tiến hành rà soát, kiểm tra, thu giữ các dữ liệu hình ảnh qua camera an ninh về đặc điểm ngoại hình của D và T. Ngày 19/7/2025 Hoàng Văn D và Phạm Trọng T đến Công an xã K, tỉnh Ninh Bình để đầu thú.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn D và Phạm Trọng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cơ quan điều tra bà Chu Thị N2 đã giao nộp 01 dây chuyền kim loại màu vàng, chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có trọng lượng 25,23 gam được bỏ trong 01 phong bì thư có ghi nội dung "*Hàng Đặt – Dây chuyền 100% không sạn 7 chỉ...*" bằng mực bút bi màu đen.

Phạm Trọng T đã giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 18D1 - 46765 màu đỏ đen kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên chị Đoàn Thị H2, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã V, tỉnh Ninh Bình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số: 0942.180.960; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen; 01 áo chống nắng dài tay, có họa tiết kẻ ô màu đen, vàng; 01 đôi giày vải màu xám; 01 quần vải màu xám; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Trọng T (bản sao); 01 ví giả da cá sấu màu vàng và số tiền 8.870.000 đồng để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả.

Hoàng Văn D giao nộp 01 mũ lưỡi chai màu xám; 01 áo phông cộc tay có cổ màu hồng; 01 quần dài màu đen; 01 xe đạp mini màu xanh, không có nhãn mác, chủng loại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen lắp sim số: 0829659858; số tiền 215.000 đồng (gồm: 02 tờ mệnh giá 20.000 đồng; 13 tờ mệnh giá 10.000 đồng; 01 tờ mệnh giá 5.000 đồng; 18 tờ mệnh giá 2.000 đồng; 04 tờ mệnh giá 1.000 đồng).

Thu giữ tại cửa hàng V1 của bà Vương Thị N3 02 chiếc khuyên tai kim loại hình tròn màu vàng, đường kính 2,5cm có tổng trọng lượng là 5,625 gam; 02 video lưu trữ tại camera ghi hình của cửa hàng.

Đồng thời Cơ quan Công an còn thu giữ 03 video tại vị trí lắp đặt camera của chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1980, trú tại xóm C, xã K và chị Bùi Thị L2, sinh năm 1978, trú tại xóm C, xã K ngày 16/7/2025 có nội dung liên quan.

Tại Kết luận giám định số 5499/KL-KTHS ngày 22/7/2025 của V2, Bộ C1 kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng chế tác dạng các mắt xích nối với nhau gửi giám định có tổng khối lượng 25,23 gam là sắt (Fe); hàm lượng Fe trung bình 99,99%. Dây chuyền có màu vàng do được phủ lớp màu vàng không chứa vàng kim loại. 02 chiếc khuyên tai kim loại hình tròn màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng 5,63 gam đều là vàng (Au); hàm lượng Au trung bình 99,91%."

Tại Kết luận giám định số 793/KL-KTHS ngày 14/10/2025 của Phòng K, Công an tỉnh N kết luận "Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh đối với 05 tệp tin video có tên và đặc điểm nêu trên".

Ngày 24/9/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N trung cầu Phòng K Công an tỉnh N giám định chữ viết đối với nội dung "Hàng Đặt – Dây chuyền 100% không sạn 7 chỉ..." được viết bằng bút bi màu mực đen trên phong bì thư mà bà Chu Thị N2 tự nguyện giao nộp với chữ viết trong 03 bản tự khai/bản tường trình do Hoàng Văn D viết ra. Tại Kết luận giám định số 1161/KL-KTHS ngày 10/10/2025 của Phòng K, Công an tỉnh N kết luận: "Chữ viết bằng bút bi màu mực đen trên phong bì thư cần giám định so với chữ viết bằng bút bi màu mực xanh đứng tên Hoàng Văn D trên mẫu so sánh là 03 "bản tự khai/ bản tường trình" (02 bản đề ngày 19/7/2025 và 01 bản đề ngày 28/7/2025) do cùng một người viết ra."

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 25/7/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết

luận: " Giá trị 01 dây chuyền kim loại màu vàng chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có tổng khối lượng 25,23 gam là sắt (Fe); hàm lượng Fe trung bình 99,99%; dây chuyền có màu vàng do được phủ lớp màu vàng không chứa vàng kim loại tại thời điểm ngày 16/7/2025 là 25.000 đồng. Tổng giá trị của 02 chiếc khuyên tai kim loại hình tròn màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng 5,63 gam đều là vàng (Au); hàm lượng Au trung bình 99,91% tại thời điểm ngày 16/7/2025 là 15.350.000 đồng".

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

Đối với 02 chiếc khuyên tai là vàng (Au), đường kính 2,5cm có tổng trọng lượng là 5,63 gam đã được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N trả lại cho bà Chu Thị N2. Bà N2 yêu cầu D bồi thường cho bà số tiền 830.000 đồng.

Bà Vương Thị N3 yêu cầu Hoàng Văn D và Phạm Trọng T phải trả lại số tiền 15.350.000 đồng.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 18D1 - 46765 màu đỏ đen kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đoàn Thị H2, Kết quả điều tra xác minh đây là tài sản của anh Phạm Huy H1, sinh năm 1984, trú tại A, đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình (là con trai T) là người đã mua chiếc xe mô tô. Anh H1 không biết việc bị cáo T mượn xe mô tô trên để chở D đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã trả lại xe mô tô. Anh H1 đã nhận lại xe và không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Vật chứng còn lại gồm: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có trọng lượng 25,23 gam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số: 0942.180.960; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, dạng lưới chai, kích thước (25x17x14) cm; 01 áo chống nắng dài tay, có họa tiết kẻ ô màu đen, vàng; 01 đôi giày vải màu xám; 01 quần vải màu xám; 01 ví giả da cá sấu màu vàng kích thước (23,5x9,5)cm thu giữ của Phạm Trọng T ; 01 mũ lưới chai màu xám; 01 áo phông cộc tay có cổ màu hồng; 01 quần dài màu đen; 01 xe đạp mini màu xanh, không có nhãn mác, chủng loại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen lắp sim số: 0829659858, số tiền 215.000 đồng do Hoàng Văn D giao nộp (được niêm phong trong phong bì) được chuyển đến Phòng thi hành án khu vực 4, tỉnh Ninh Bình; số tiền 8.870.000 đồng do Phạm Trọng T giao nộp được chuyển đến tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tiếp tục quản lý để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

Đối với 01 phong bì thư có ghi nội dung "Hàng Đặt – Dây chuyền 100% không sạn 7 chỉ..." bằng mực bút bi màu đen; 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 03 USB lưu trữ 05 tệp tin video; 01 bản sao căn cước công dân mang tên Phạm Trọng T được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, ngày 25/11/2025 bị cáo D đã nhờ vợ của bị cáo là chị Trần Thị Thanh H nộp tổng cộng số tiền là 2.200.000đồng tại các Biên lai thu tiền BLTU/25E số 0001094 số tiền 2.000.000đồng và Biên lai thu tiền BLTU/25E số 0001095 số tiền 200.000đồng ngày 25/11/2025 của Thi hành án

dân sự tỉnh Ninh Bình mục đích để bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-KV4 ngày 12/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn D và Phạm Trọng T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1, khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên rút phần quyết định truy tố về hình phạt bổ sung, giữ nguyên các phần quyết định khác và Đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn D và Phạm Trọng T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng Khoản 1, Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 19/7/2025.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Trọng T từ 9 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/7/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo là người cao tuổi và không có công ăn việc làm ổn định.

b) Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584, Điều 587, Điều 589, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Phạm Trọng T phải bồi thường cho bà Vương Thị N3 số tiền 7.850.000 đồng, được thi hành từ số tiền 8.870.000 đồng mà bị cáo T đã tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra. Số tiền còn lại là 1.020.000 đồng (*một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) trả lại cho bị cáo T nhưng ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T cho bị cáo D để bị cáo D bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả.

- Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải bồi thường cho bà Chu Thị N2 số tiền 830.000 đồng và bồi thường cho bà Vương Thị N3 số tiền 7.500.000 đồng, được thi hành tại số tiền 2.200.000 đồng mà gia đình bị cáo D đã giao nộp tại cơ quan thi hành án và số tiền còn lại 1.020.000 đồng mà bị cáo Phạm Trọng T đã cho bị cáo D nói trên. Trong đó thi hành cho bà Chu Thị N2 830.000 đồng (*tám trăm ba mươi nghìn đồng*); thi hành cho bà Vương Thị N3 2.390.000 đồng (*Hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*). Số tiền bị cáo D còn phải bồi thường tiếp cho bà N3 là 5.110.000 đồng (*năm triệu một trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền người thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

c) Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có trọng lượng 25,23 gam; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, dạng lưỡi chai, kích thước (25x17x14) cm; 01 áo chống nắng dài tay, có họa tiết kẻ ô màu đen, vàng; 01 đôi giày vải màu xám; 01 quần vải màu xám; 01 ví giả da cá sấu màu vàng kích thước (23,5x9,5)cm; 01 mũ lưỡi chai màu xám; 01 áo phông cộc tay có cổ màu hồng; 01 quần dài màu đen là những vật chứng không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe đạp mini màu xanh, không có nhãn mác, chủng loại; số tiền 215.000 đồng do Hoàng Văn D giao nộp (được niêm phong trong phong bì) là các công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Trọng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số: 0942.180 là tài sản riêng không liên quan đến vụ án.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen lắp sim số: 0829659858 là tài sản riêng không liên quan đến vụ án nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

d) Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo Hoàng Văn D; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Trọng T do các bị cáo đều là người cao tuổi.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi phạm tội*: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 16/7/2025, tại khu vực đường liên xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình. Hoàng Văn D và Phạm Trọng Thủy lợi D1 sự nhẹ dạ cả tin hám lời của người bị hại là người già, có đeo trang sức và có tài sản trên người nên các bị cáo đã sử dụng 01 sợi dây chuyền màu vàng (vàng giả là kim loại sắt đã chuẩn bị từ trước bỏ trong 01 phong bì thư và ghi dòng chữ màu đen “Hàng đặt- dây chuyền 100% không sạn 7 chỉ” rồi cuộn bên ngoài là số tiền 215.000đồng (gồm nhiều tờ tiền lẻ mệnh giá khác nhau 20.000đồng, 10.000đồng, 5000đồng; 2000đồng, 1000đồng) để tạo niềm tin cho người bị hại là vàng thật. Sau đó D và T phối hợp để D đi xe đạp tiếp cận làm quen với bà Chu Thị N2, giài cảnh để bà N2 nhìn thấy và tin tưởng D nhặt được tiền và sợi dây chuyền vàng; D thỏa thuận chia phần cho bà N2 số tiền 30 triệu đồng và giao sợi dây chuyền cho bà N2 quản lý đồng thời D bảo bà N2 đưa tài sản của bà N2 cho D làm tin để D về nhà lấy tiền đưa cho bà N2. Bà N2 tin tưởng D nên đã để cho D tháo 02 chiếc khuyên tai vàng trên tai mình và đưa số tiền 830.000 đồng cho D. Sau khi chiếm đoạt được tài

sản các bị cáo đã chia nhau và tiêu sài cá nhân. Tại kết luận của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự xác định giá của 02 chiếc khuyên tai vàng là 15.350.000 đồng. Do vậy tổng giá trị tài sản D và T chiếm đoạt của bà N2 là 16.180.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát khu vực 4 - Ninh Bình, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; người chứng kiến; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản sao trích dữ liệu video trong các camera đã được giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa; Kết luận giám định; kết luận định giá tài sản; biên bản nhận dạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

“Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Như vậy hành vi của các bị cáo Hoàng Văn D và Phạm Trọng T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - tỉnh Ninh Bình truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn cho xã hội. Các Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[3]. Vị trí, vai trò, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự. Tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đồng phạm mang tính chất giản đơn.

Đối với bị cáo Hoàng Văn D là người khởi xướng, rủ rê việc đi lừa đảo, là người chuẩn bị công cụ thực hiện tội phạm như sợi dây chuyền vàng giả; tự ghi dòng chữ trên phong bì “Hàng đặt- dây chuyền 100% không sạn 7 chỉ”, chuẩn bị tiền lẻ gói cùng với dây chuyền vàng giả, là người trực tiếp tiếp cận người bị hại và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại, là người hưởng lợi nhiều hơn. Bị cáo giữ vai trò đầu.

Đối với bị cáo Phạm Trọng T sau khi được bị cáo D rủ rê đi lừa đảo tài sản, bị cáo T đã đồng ý, quá trình thực hiện bị cáo đã phối hợp giúp sức cùng với bị cáo D trong việc dàn cảnh bị cáo D nhặt được tiền, vàng; sau khi D lấy được

khuyên tai vàng của bà N4 thì bị cáo là người mang vàng đi bán và lấy tiền về chia nhau. Bị cáo giữ vị trí thứ hai.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo Hoàng Văn D là người có tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án số 50/2013/HSST ngày 30/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình bị xử phạt 27 tháng tù chưa được xoá án tích do chưa bồi thường xong cho người bị hại, nay lại phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; về tiền sự: không có; về lịch sử bản thân từ các năm 1984, 1985, 1987, 1999, 2006, 2016 bị cáo kết án về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản, Cướp tài sản. Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ vợ bị cáo nộp hồ sơ tiền 2.200.000đồng vào ngày 25/11/2025 tại cơ quan thi hành án theo các Biên lai thu tiền số 0001094 (số tiền 2.000.000đồng) và Biên lai thu tiền số 0001095 (số tiền 200.000đồng) mục đích để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bà Chu Thị N2 số tiền 830.000 đồng và cho bà Vương Thị N3 số tiền 1.370.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Phạm Trọng T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về nhân thân bị cáo T không có tiền án, tiền sự, về lịch sử bản thân từ các năm 1981, 1999, 2018 bị cáo đã bị kết án về các tội Trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng đã được xoá án tích và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, đã tự giác giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ các phân tích đánh giá trên cần áp dụng hình phạt tù tương xứng cách ly các bị cáo với xã hội để bị cáo có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và cũng nhằm để giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung. Về mức hình phạt bị cáo Hoàng Văn D cao hơn bị cáo Phạm Trọng T là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[3]. *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*: Bị hại là bà Chu Thị N2 đã nhận lại 02 chiếc khuyên tai vàng do các bị cáo chiếm đoạt. Bà N2 không có ý kiến gì. Bà N2 yêu cầu bị cáo D phải trả lại cho bà số tiền 830.000đồng. Xét thấy, bị cáo D đã trực tiếp chiếm đoạt số tiền của bà N2 và hưởng lợi số tiền này nên cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền 830.000đồng cho bà N2.

Bà Vương Thị N3 yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn D và Phạm Trọng T phải bồi thường cho bà số tiền 15.350.000đồng do đã mua đôi khuyên tai vàng mà các

bị cáo đem bán. Do các bị cáo đều hưởng lợi số tiền này nên cùng phải liên đới bồi thường cho bà N3 trong đó bị cáo D hưởng lợi số tiền 7.500.000đồng; bị cáo T hưởng số tiền 7.850.000đồng nên bị cáo D phải bồi thường thiệt hại cho bà N3 số tiền 7.500.000đồng, bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho bà N3 số tiền 7.850.000 đồng.

Đối với bị cáo T đã tự nguyện nộp 8.870.000đồng, hiện số tiền đang ở tài khoản của Thi hành án tỉnh Ninh Bình theo Ủy nhiệm chi lập ngày 17/11/2025 giữa Công an tỉnh N và Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc Nhà nước khu vực V. Số tiền này được giải quyết thi hành bồi thường cho bà N3 7.850.000đồng. Số tiền còn lại là 1.020.000đồng trả lại cho bị cáo T tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo T tự nguyện cho bị cáo D số tiền này để bị cáo D bồi thường thiệt hại cho bà N2 và bà N3 nên cần quản lý số tiền này để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo D

Đối với bị cáo D đã nộp tổng cộng số tiền 2.200.000đồng tại cơ quan Thi hành án và bị cáo D được bị cáo T cho số tiền 1.020.000đồng. Các số tiền này được xem xét giải quyết bồi thường cho bà Chu Thị N2 và Vương Thị N3 cụ thể thi hành cho bà Chu Thị N2 830.000đồng và cho bà Vương Thị N3 2.390.000đồng. Bị cáo Hoàng Văn D còn phải bồi thường tiếp cho bà Vương Thị N3 số tiền 5.110.000đồng.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 18D1 - 46765 màu đỏ đen kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đoàn Thị H2 là tài sản của anh Phạm Huy H1, sinh năm 1984, trú tại A, đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình (là con trai T) có nguồn gốc mua bán rõ ràng. Anh H1 không biết việc bị cáo T mượn xe mô tô trên để chở D đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã trả lại xe mô tô. Anh H1 đã nhận lại xe và không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Đối với các vật chứng gồm: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có trọng lượng 25,23 gam; 01 ví giả da cá sấu màu vàng kích thước (23,5x9,5)cm là công cụ phương tiện phạm tội đã cũ hỏng không có giá trị sử dụng; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, dạng lưỡi chai, kích thước (25x17x14) cm; 01 áo chống nắng dài tay, có họa tiết kẻ ô màu đen, vàng; 01 đôi giày vải màu xám; 01 quần vải màu xám thu giữ của Phạm Trọng T; 01 mũ lưỡi chai màu xám; 01 áo phông cộc tay có cổ màu hồng; 01 quần dài màu đen thu giữ của Hoàng Văn D. Các tài sản, đồ vật này đã cũ các bị cáo không có nhu cầu sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số: 0942.180.960 thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen lắp sim số: 0829659858 thu giữ của bị cáo D không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo;

Đối với số tiền 215.000 đồng do Hoàng Văn D giao nộp (được niêm phong trong phong bì) là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe đạp mini màu xanh, không có nhãn mác, chủng loại thu giữ của Hoàng Văn D là công cụ phương tiện phạm tội có giá trị cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[4] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo D và bị cáo T bị kết án nhưng do là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự: Bị cáo D còn phải bồi thường thiệt hại nhưng do là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự.

Bị cáo T phải bồi thường thiệt hại tuy nhiên số tiền bị cáo T tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả nhiều hơn số tiền phải bồi thường nên phần dân sự coi như đã thi hành xong mặt khác bị cáo là người cao tuổi nên vấn đề án phí dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Vấn đề khác:

Bà Vương Thị N3 và anh Vũ Công M mua tài sản là đôi khuyên tai vàng nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên bà N3 và anh M không phạm tội.

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17, Điều 38; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Văn D.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17, Điều 38; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Phạm Trọng T.

Căn cứ Khoản 1 Điều 584, Điều 587, Điều 589, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Các Bị cáo Hoàng Văn D và Phạm Trọng T phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

Xử phạt Hoàng Văn D 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ 19/7/2025.

Xử phạt Phạm Trọng T 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ 19/7/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Trọng T bồi thường thiệt hại cho bà Vương Thị N3 số tiền 7.850.000đồng (*Bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*), được thi hành tại số tiền bị cáo T đã nộp 8.870.000đồng (*Tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*) theo Ủy nhiệm chi lập ngày 17/11/2025 giữa Công an tỉnh N và Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc Nhà nước khu vực V. Số tiền còn lại là 1.020.000đồng (*Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) được trả lại cho bị cáo Phạm Trọng T nhưng ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T cho bị cáo D để thi hành án nên cần quản lý số tiền trên để thi hành án.

- Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải trả cho bà Chu Thị N2 số tiền 830.000đồng (*tám trăm ba mươi nghìn đồng*) và bồi thường thiệt hại cho bà Vương Thị N3 số tiền 7.500.000đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền bà N2 và bà N3 được thi hành tại số tiền gia đình bị cáo D đã nộp theo Biên lai thu tiền BLTU/25E số 0001094 số tiền 2.000.000đồng (*hai triệu đồng*); Biên lai thu tiền số BLTU/25E số 0001095 số tiền 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình và số tiền 1.020.000đồng còn lại sau khi thi hành của bị cáo T. Trong đó thi hành trả cho bà Chu Thị N2 830.000đồng và trả cho bà Vương Thị N3 2.390.000đồng). Bị cáo Hoàng Văn D còn phải bồi thường tiếp cho bà Vương Thị N3 số tiền 5.110.000đồng (*Năm triệu một trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền người thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, chế tác dạng các mắt xích nối với nhau có trọng lượng 25,23 gam; 01 ví giả da cá sấu màu vàng kích thước (23,5x9,5)cm; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, dạng lưỡi chai, kích thước (25x17x14) cm; 01 áo chống nắng dài tay, có họa tiết kẻ ô màu đen, vàng; 01 đôi giày vải màu xám; 01 quần vải màu xám thu giữ của Phạm Trọng T; 01 mũ lưỡi chai màu xám; 01 áo phông cộc tay có cổ màu hồng; 01 quần dài màu đen thu giữ của Hoàng Văn D.

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số: 0942.180.960 cho Phạm Trọng T;

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen lắp sim số: 082965985801 cho Hoàng Văn D nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 215.000 đồng (được niêm phong trong phong bì); 01 xe đạp mini màu xanh, không có nhãn mác, chủng loại thu giữ của Hoàng Văn D.

(Các Vật chứng có đặc điểm số lượng theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2025 giữa Công an tỉnh N và Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn D; miễn án phí hình sự cho bị cáo Phạm Trọng T do là người cao tuổi.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 4- Ninh Bình
- Công an tỉnh Ninh Bình
- Trại tạm giam số 1
- THADS tỉnh Ninh Bình
- Bị cáo
- Người bị hại.,
- Người QLNVLQ đến vụ án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy